

Bản án số: 42/2018/DS-ST

Ngày: 16-8-2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bình.

Ông Phạm Minh Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bảo Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLST-DS, ngày 03 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1967.

Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An;

Nơi cư trú: Số 61, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông **Đỗ Văn C**, sinh năm 1966 và bà **Huỳnh Kim P**, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Nhà không số, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Đỗ Thị N** (tên thường gọi là H), sinh năm 1991.

Địa chỉ: Nhà không số, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

(Ông Q có mặt; ông C, bà P và bà N vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 12 năm 2017 và những trình bày của nguyên đơn có trong hồ sơ và tại phiên tòa như sau:

Ông Q làm nghề buôn bán phân, thuốc bảo vệ thực vật. Ông C, bà P có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của ông Q từ năm 2009 để làm ruộng và còn nợ số tiền 16.100.000 đồng. Biên nhận “có nợ tiền” do bà Đỗ Thị N (con bà P) ký nhận thay vào ngày 22 tháng 02 năm 2013, bà P lấn tay. Nhưng đến nay ông C, bà P chưa trả số tiền trên. Nay ông Q khởi kiện yêu cầu ông C và bà P phải liên đới trả số tiền 16.100.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại phiên tòa ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Không đồng ý yêu cầu xin trả dần của bà P, xác định dấu lấn tay do bà P lấn tay, không yêu cầu giám định dấu lấn tay của bà P.

Bị đơn bà Huỳnh Kim P vắng mặt nhưng có lời trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 3 năm 2018 như sau: Bà thừa nhận có mua phân, thuốc của ông Q và còn nợ số tiền hơn 11.000.000 đồng, có ghi trong sổ số 122 “Ba Quân II”. Đến năm 2013 bà có trả cho ông Q số tiền 4.000.000 đồng nhưng không có biên nhận trả. Nay bà chỉ còn nợ ông Q 8.000.000 đồng (số tiền 16.100.000 đồng là bao gồm tiền gốc và tiền lãi). Bà không ký tên và không lấn tay tại “biên nhận có nợ tiền phân” ngày 22 tháng 02 năm 2013 mà do con gái ruột là Đỗ Thị N ký thay (tên thường gọi là H). Nay bà và ông C đồng ý liên đới trả cho ông Q số tiền 8.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Bà Đỗ Thị N vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý đến xét xử, Tòa án chấp hành đúng quy định tại Điều 26, 35, 48, 68, 191, 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập đầy đủ chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 97, 98, 100, 102, 171, 173 Bộ luật Tố tụng dân sự và tiến hành kiểm tra giao nộp chứng cứ, công khai chứng cứ, tiến hành hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ Viện kiểm sát theo đúng quy định tại các Điều 203, 205, 208, 209, 210, 230 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định tại các Điều 248, 260 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Q yêu cầu bà P và ông C liên đới trả số tiền 16.100.000 đồng, bà P đồng ý trả 8.000.000 đồng vì tại biên nhận nợ bà P không ký tên, theo sổ nhận nợ bà P chỉ còn nợ số tiền 11.511.000 đồng do ông Q chốt sổ, ông C ký tên, sau đó bà P đã trả 4.000.000 đồng nên còn nợ lại 8.000.000 đồng.

Xét thấy bà P thừa nhận nợ tiền mua phân thuốc, tuy nhiên giữa các bên không thống nhất về số tiền. Biên nhận nợ không thể hiện bà P và ông C ký nhận nợ vì vậy đối chiếu với sổ mua bán do ông Q cấp cho bà P, hai bên chốt sổ, bà P và ông C còn nợ ông Q số tiền 11.511.000 đồng. Vì vậy, cần xác định số tiền nợ theo sổ số 122 do ông Q cấp ngày 17 tháng 4 năm 2009 cho bà P là phù

hợp. Việc bà P cho rằng đã trả 4.000.000 đồng, ông Q không thừa nhận, bà P không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả số tiền trên nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà P. Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Q, buộc bà P và ông C liên đới trả cho ông Q số tiền 11.511.000 đồng là phù hợp. Bác yêu cầu của ông Q đối với số tiền 4.589.000 đồng. Các bên chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Các bên thừa nhận có thỏa thuận mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật từ năm 2009 là đã xác lập hợp đồng mua bán theo quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do bà P và ông C vi phạm về nghĩa vụ thanh toán, làm cho quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q bị xâm phạm nên phát sinh tranh chấp giữa các bên. Ông Q có đơn khởi kiện đến Tòa án nơi bị đơn cư trú. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 205, 207, 209 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông C, bà P, bà N vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa nhưng ông C, bà P và bà N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà P và bà N là phù hợp theo các Điều 177, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Ông Q khởi kiện yêu cầu ông C, bà P liên đới trả số tiền 16.100.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Bà P chỉ thừa nhận nợ 11.511.000 đồng và đã trả 4.000.000 đồng nên đồng ý cùng ông C trả cho ông Q số tiền 8.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

[2] Xét thấy các bên thừa nhận có việc thỏa thuận mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chứng cứ để ông Q khởi kiện yêu cầu ông C, bà P trả số tiền 16.100.000 đồng là biên nhận có nợ tiền phân ngày 22 tháng 02 năm 2013. Tuy nhiên, biên nhận nợ ngày 22 tháng 02 năm 2013 bà P không thừa nhận và không thể hiện bà P và ông C ký tên. Biên nhận có dấu lấn tay nhưng bà P cho rằng không phải do bà lấn tay, các bên không yêu cầu giám định. Bà P đồng ý nợ theo “sổ Ba Quân cấp số 122, ngày 17 tháng 4 năm 2009”, ông Q thừa nhận sổ do ông Q cấp và ghi các mặt hàng phân thuốc, ghi chót nợ vào ngày 22 tháng 11 năm 2009 âm lịch. Do vậy, cần xem xét số tiền nợ tại sổ 11.511.000 đồng là phù hợp. Bà P cho rằng đã trả cho ông Q 4.000.000 đồng nhưng ông Q không thừa

nhận, bà P không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả số tiền trên nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà P.

[3] Do vậy, căn cứ vào “sổ sổ 122 Ba Quân II cấp ngày 22 tháng 11 năm 2009 âm lịch”, xác định bà P và ông C còn nợ ông Q số tiền là 11.511.000 đồng nên cần buộc ông C, bà P liên đới trả số tiền trên là phù hợp. Ông Q yêu cầu trả 16.100.000 đồng nên số tiền ông Q bị bác yêu cầu là 4.589.000 đồng.

[4] Bà P xin trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng, ông Q không đồng ý. Pháp luật không quy định việc trả dần nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà P.

Từ nhận định trên;

[5] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Q. Buộc ông C và bà P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Q số tiền 11.511.000 đồng.

[6] Bác yêu cầu của ông Q về yêu cầu bà P và ông C trả số tiền 4.589.000 đồng. Bác yêu cầu xin trả dần của bà P.

[7] Về án phí: Ông C, bà P phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Ông Q phải chịu án phí đối với yêu cầu bị bác, khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q.

Buộc ông Đỗ Văn C và bà Huỳnh Kim P liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 11.511.000 đồng (mười một triệu năm trăm mười một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, ông Đỗ Văn C và bà Huỳnh Kim P còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn Q yêu cầu ông Đỗ Văn C và bà Huỳnh Kim P liên đới trả số tiền 4.589.000 đồng (bốn triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng).

3. Về án phí:

Buộc ông Đỗ Văn C và bà Huỳnh Kim P phải liên đới chịu 575.500 đồng (năm trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Văn Q phải chịu 229.500 đồng (hai trăm hai mươi chín nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn Q đã nộp là 402.500 đồng (bốn trăm không hai nghìn năm trăm

đồng) theo biên lai thu số 0006647 ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Trả lại cho ông Nguyễn Văn Q 173.000 đồng (một trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hay niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tại Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyền